

Số: 54/2020/QĐST-LĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 vào Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 03/12/2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án lao động thụ lý số: 100/2020/TLST-LĐ ngày 26/10/2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Trần Thị Kim T**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Bị đơn: **Công ty A**

Địa chỉ: thị trấn A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đặng Ngọc H** – Tổng giám đốc Công ty A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Võ Văn B** – Nhân viên phòng TC-HC Công ty A.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Bảo hiểm xã hội B**

Địa chỉ: phường N, thành phố M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Văn T** – Giám đốc Bảo hiểm xã hội B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Trường V** – Trưởng phòng Thanh tra - Kiểm tra Bảo hiểm xã hội B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công ty A có nghĩa vụ nộp vào Quỹ Bảo hiểm xã hội B cho chị Trần Thị Kim T tính đến ngày 31/10/2020 số tiền Bảo hiểm xã hội là 49 tháng, Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp là 27 tháng với tổng số tiền là 49.875.835 đồng (*bốn mươi chín triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi lăm đồng*). Trong đó số tiền nợ là 38.315.301 đồng và lãi chậm trả 11.560.534 đồng.

Kể từ ngày 01/11/2020 Công ty A chưa nộp số tiền trên cho Bảo hiểm xã hội B thì Công ty phải chịu khoản tiền lãi bằng hai lần mức lãi suất đầu tư quỹ Bảo hiểm xã hội bình quân của năm trước liền kề tính trên số tiền, thời gian chậm đóng theo quy định tại Điều 122 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

- Công ty A có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Kim T số tiền trợ cấp thôi việc là 4.753.125 đồng (*bốn triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn một trăm hai mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật khi có đơn yêu cầu của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trợ cấp thôi việc nếu bên phải thi hành án chậm thi hành nghĩa vụ phải thực hiện thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Bảo hiểm xã hội B có nghĩa vụ chốt sổ và xác nhận thời gian đóng Bảo hiểm xã hội cho chị Trần Thị Kim T sau khi Công ty A nộp đủ các khoản nợ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp, tiền lãi chậm nộp, tiền lãi phát sinh vào quỹ Bảo hiểm xã hội của Cơ quan Bảo hiểm xã hội B.

- Về án phí lao động sơ thẩm có giá ngạch: Công ty A phải chịu là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thúy Hằng